BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC HÀNH**

**Tên chương trình: Chương trình đào tạo Cử nhân Quản trị kinh doanh**

**Tên ngành: Quản trị kinh doanh**

**Mã ngành: 7340101**

**Trình độ: Đại học**

**NGHỆ AN – 2022**

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC HÀNH**

**Tên chương trình: Chương trình đào tạo Cử nhân Quản trị kinh doanh**

**Tên ngành: Quản trị kinh doanh**

**Mã ngành: 7340101**

**Trình độ: Đại học**

**NGHỆ AN – 2022**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH**  **KHOA KINH TẾ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần (Tiếng việt): Quản trị doanh nghiệp

- Tên học phần (Tiếng Anh): Corporate Governance

- Mã học phần: 4KT301DH

- Số tín chỉ: 03

- Phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 30 tiết (60 giờ) |
| + | Thực hành: | 13 tiết (26 giờ) |
| + | Kiểm tra: | 02 tiết (4 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 90 tiết (180 giờ) |

**2. Đơn vị quản lý học phần**

**2.1. Giảng viên giảng dạy:**

**- Giảng viên 1: GV, ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh**

Email: [oanh.nguyenkimts@gmail.com](mailto:oanh.nguyenkimts@gmail.com)

Điện thoại: 0984950952

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Quản trị kinh doanh

**- Giảng viên 2: GV, TS. Nguyễn Thị Thơ**

Email: thonguyen.skv@gmail.com

Điện thoại: 0913482789

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học

**2.2. Bộ môn: Kế toán – Quản trị kinh doanh**

**2.3. Khoa: Kinh tế**

**3. Điều kiện tiên quyết:** Không

1. **Mục tiêu của học phần**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Áp dụng kiến thức chuyên ngành quản trị doanh nghiệp để phân tích và xây dựng các kế hoạch, triển khai quản trị doanh nghiệp phù hợp. |
| G2 | Có khả năng vận dụng tổng hợp để đưa ra các quyết định quản trị doanh nghiệp trong một tổ chức kinh tế. |
| G3 | Giao tiếp hiệu quả, lựa chọn và sử dụng các phương pháp nhằm phân tích, đánh giá và đề xuất các vấn đề trong quản trị doanh nghiệp. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K4 | Phân tích và xây dựng việc hoạch định, thực thi, đánh giá các hoạt động trong quản trị doanh nghiệp | - Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | A3 | Vận dụng tư duy logic và so sánh để giải quyết các vấn đề trong quản trị doanh nghiệp | - Thuyết trình | Tự luận |
| G3 | CLO3.1 | S3 | - Ứng dụng CNTT trong tìm hiểu tài liệu thực tế về Quản trị doanh nghiệp  - Khả năng làm việc nhóm | - Hướng dẫn nghiên cứu tài liệu | Tự luận |
| G4 | CLO4.1 | C4 | - Phân tích, đánh giá các hoạt động và đề xuất được những giải pháp quản trị doanh nghiệp trước sự biến động của môi trường kinh doanh. | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | Tự luận |

***5.2. So sánh chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.3 | PLO2.5 | PLO3.3 | PLO4.5 |
| 1.3.1 | 2.5.2 | 3.3.2 | 4.5.3 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |  |
| CLO4.1 |  |  |  | ✓ |

**6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần**

Những kiến thức cơ bản về doanh nghiệp, các loại hình doanh nghiệp, nhà quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp. Điều hành trong quản trị doanh nghiệp là nội dung quan trọng của học phần, bao gồm hoạch định chương trình quản trị doanh nghiệp, quản trị theo mục tiêu, quản trị theo quá trình và quản trị theo kết quả. Quản trị kết quả theo mức lãi thô.

**7. Nội dung học phần:**

***7.1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên bài** | **Số tiết (giờ)** | | | | **CĐR học phần** |
| Tổng số | Lý thuyết | Thực hành | Kiểm tra |
| 1 | Chương 1: Tổng quan về quản trị doanh nghiệp | **6** | **4** | **2** |  |  |
| 1.1 | Doanh nghiệp và các loại hình doanh nghiệp |  |  | 2 |  | CLO1.1  CLO2.1 |
| 1.2 | Quản trị doanh nghiệp và các cách tiếp cận |  | 2 |  |  | CLO1.1 |
| 1.3 | Các giai đoạn phát triển của khoa học quản trị doanh nghiệp |  | 2 |  |  | CLO1.1 |
| 2 | Chương 2: Nhà quản trị, chức năng và lĩnh vực quản trị DN | **6** | **2** | **2** |  |  |
| 2.1 | Nhà quản trị |  | 2 | 1 |  | CLO1.1 |
| 2.2 | Chức năng quản trị |
| 2.3 | Lĩnh vực quản trị |  | 2 | 1 |  | CLO1.1 CLO2.1 |
| 2.4 | Mối quan hệ giữa chức năng và lĩnh vực quản trị |
| 3 | Chương 3: Cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp | **7** | **4** | **2** | **1** |  |
| 3.1 | Cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp |  | 1 |  |  | CLO1.1 |
| 3.2 | Tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp |  | 2 |  |  | CLO1.1  CLO2.1 |
| 3.3 | Các mô hình tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp |  | 1 | 2 | 1 | CLO2.1  CLO4.1 |
| 4 | Chương 4: Hoạch định chương trình quản trị doanh nghiệp | **6** | **4** | **2** |  |  |
| 4.1 | Hoạch định mục tiêu của DN |  | 2 |  |  | CLO1.1  CLO3.1 |
| 4.2 | Hoạch định chiến lược của DN |
| 4.3 | Tổ chức thực hiện hoạch định chương trình QTDN |  | 1 |  |  | CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |
| 4.4 | Nội dung của bản kế hoạch kinh doanh |  | 1 | 2 |  | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |
| 5 | Chương 5: Quản trị theo mục tiêu | **5** | **3** | **2** |  |  |
| 5.1 | Bản chất và vai trò của quản trị theo mục tiêu |  | 2 | 1 |  | CLO1.1 |
| 5.2 | Nội dung cơ bản của quản trị doanh nghiệp theo mục tiêu |
| 5.3 | Bảng điểm cân bằng BSC trong quản trị theo mục tiêu |  | 1 | 1 |  | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| 6 | Chương 6: Quản trị theo quá trình | **5** | **3** | **2** |  |  |
| 6.1 | Quản trị doanh nghiệp theo quá trình |  | **2** |  |  | CLO1.1 |
| 6.2 | Hệ thống hoạch định nguồn lực DN |  | 1 | 2 |  | CLO2.1 |
| 7 | Chương 7: Quản trị theo kết quả | **5** | **3** | **1** | **1** |  |
| 7.1 | Bản chất và vai trò của quản trị theo kết quả |  | 1 |  |  | CLO1.1 |
| 7.2 | Quản trị thực hiện công việc |  | 1 | 1 | 1 | CLO2.1  CLO4.1 |
| 7.3 | Đánh giá kết quả thực hiện công việc |  | 1 |  |  | CLO3.1  CLO4.1 |
|  | **Cộng:** | **45** | **30** | **13** | **2** |  |

***7.2. Nội dung chi tiết:***

***7.2.1. Chương 1: Tổng quan về quản trị doanh nghiệp***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 1: Doanh nghiệp và các loại hình doanh nghiệp** | | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành | | Kiểm tra |
| 2 | 0 | | 2 | | 0 |
| ***1. Mục tiêu thực hiện:***  *Làm rõ khái niệm doanh nghiệp và chỉ ra được đặc trưng các loại hình doanh nghiệp cơ bản.*  ***2. Nội dung:***  *- Tìm hiểu các loại hình doanh nghiệp*  *- So sánh, phân biệt các loại hình doanh nghiệp*  ***3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:*** | | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | **Đơn vị tính** | | | **Số lượng** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Thiết bị ứng dụng:  Máy tính có nối mạng Internet  Máy chiếu | Cái  Bộ | | | Theo số lượng sinh viên | |  | |
| 2 | Vật tư: Không |  | | |  | |  | |
| 3 | Dụng cụ: Không |  | | |  | |  | |

***7.2.2. Chương 2: Nhà quản trị, chức năng và lĩnh vực quản trị DN***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 1:**  Nhà quản trị, mối quan hệ giữa chức năng và lĩnh vực quản trị | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành | | Kiểm tra |
| 2 | 0 | | 2 | | 0 |
| ***1. Mục tiêu thực hiện:***  *Nghiên cứu các đặc trưng của nhà quản trị. Phân tích mối quan hệ giữa chức năng và lĩnh vực quản trị.*  ***2. Nội dung:***  *- Nghiên cứu về một số nhà quản trị nổi bật ở Việt Nam*  *- Phân tích mối quan hệ giữa chức năng và lĩnh vực quản trị trong một doanh nghiệp cụ thể.*  ***3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:*** | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | **Đơn vị tính** | | **Số lượng** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Thiết bị ứng dụng:  Máy tính có nối mạng Internet  Máy chiếu | Cái  Bộ | | Theo số lượng sinh viên | |  | |
| 2 | Vật tư: Không |  | |  | |  | |
| 3 | Dụng cụ: Không |  | |  | |  | |

***7.2.3. Chương 3: Cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 1:** Các mô hình tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành | | Kiểm tra |
| 3 | 0 | | 2 | | 1 |
| ***1. Mục tiêu thực hiện:***  *- Tìm hiểu các mô hình tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp*  *- Phân biệt các mô hình*  ***2. Nội dung:***  *- Tìm hiểu các mô hình tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp được áp dụng ở Việt Nam*  *- Chỉ ra các đặc trưng ở các mô hình*  ***3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:*** | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | **Đơn vị tính** | | **Số lượng** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Thiết bị ứng dụng:  Máy tính có nối mạng Internet  Máy chiếu | Cái  Bộ | | Theo số lượng sinh viên | |  | |
| 2 | Vật tư: Không |  | |  | |  | |
| 3 | Dụng cụ: Không |  | |  | |  | |

***7.2.4. Chương 4: Hoạch định chương trình quản trị doanh nghiệp***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 1:** Nội dung của bản kế hoạch kinh doanh | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành | | Kiểm tra |
| 2 | 0 | | 2 | | 0 |
| ***1. Mục tiêu thực hiện:***  *- Nghiên cứu Nội dung của bản kế hoạch kinh doanh*  ***2. Nội dung:***  *- Tìm hiểu Nội dung của một bản kế hoạch kinh doanh thực tế*  *- Xây dựng bản kế hoạch kinh doanh của nhóm*  ***3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:*** | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | **Đơn vị tính** | | **Số lượng** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Thiết bị ứng dụng:  Máy tính có nối mạng Internet  Máy chiếu | Cái  Bộ | | Theo số lượng sinh viên | |  | |
| 2 | Vật tư: Không |  | |  | |  | |
| 3 | Dụng cụ: Không |  | |  | |  | |

***7.2.5. Chương 5: Quản trị theo mục tiêu***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 1:** Nội dung cơ bản của quản trị doanh nghiệp theo mục tiêu | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành | | Kiểm tra |
| 2 | 0 | | 2 | | 0 |
| ***1. Mục tiêu thực hiện:***  *- Xác định các nội dung cơ bản của quản trị doanh nghiệp theo mục tiêu*  ***2. Nội dung:***  *- Tìm hiểu các Nội dung cơ bản của quản trị doanh nghiệp theo mục tiêu*  *- Đánh giá bảng điểm BSC tại một công ty cụ thể.*  ***3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:*** | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | **Đơn vị tính** | | **Số lượng** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Thiết bị ứng dụng:  Máy tính có nối mạng Internet  Máy chiếu | Cái  Bộ | | Theo số lượng sinh viên | |  | |
| 2 | Vật tư: Không |  | |  | |  | |
| 3 | Dụng cụ: Không |  | |  | |  | |

***7.2.6. Chương 6: Quản trị theo quá trình***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 1:** Hệ thống hoạch định nguồn lực DN | | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành | | Kiểm tra |
| 2 | 0 | | 2 | | 0 |
| ***1. Mục tiêu thực hiện:***  *Làm rõ Hệ thống hoạch định nguồn lực DN*  ***2. Nội dung:***  *- Tìm hiểu Hệ thống hoạch định nguồn lực DN*  *- Nghiên cứu, phân tích Hệ thống hoạch định nguồn lực tại một DN cụ thể*  ***3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:*** | | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | **Đơn vị tính** | | | **Số lượng** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Thiết bị ứng dụng:  Máy tính có nối mạng Internet  Máy chiếu | Cái  Bộ | | | Theo số lượng sinh viên | |  | |
| 2 | Vật tư: Không |  | | |  | |  | |
| 3 | Dụng cụ: Không |  | | |  | |  | |

***7.2.7. Chương 6: Quản trị theo kết quả***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 1:** Quản trị thực hiện công việc | | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành | | Kiểm tra |
| 2 | 0 | | 1 | | 1 |
| ***1. Mục tiêu thực hiện:***  *Làm rõ nội dung quản trị thực hiện công việc*  ***2. Nội dung:***  *- Nghiên cứu nội dung quản trị thực hiện tại một doanh nghiệp cụ thể.*  ***3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:*** | | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | **Đơn vị tính** | | | **Số lượng** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Thiết bị ứng dụng:  Máy tính có nối mạng Internet  Máy chiếu | Cái  Bộ | | | Theo số lượng sinh viên | |  | |
| 2 | Vật tư: Không |  | | |  | |  | |
| 3 | Dụng cụ: Không |  | | |  | |  | |

**8. Yêu cầu đối với sinh viên**

- Tham gia đầy đủ các buổi học thực hành để đảm bảo nội dung các bài tập trong học phần

- Hoàn thành đầy đủ 100% các bài tập thực hành

- Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.

- Hoàn thành đầy đủ các bài thảo luận nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.

- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

**9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

**9.1. Cách đánh giá**

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tham dự trực tiếp trên lớp 80% thời lượng học phần.  - Thực hiện đủ các bài tập; thảo luận; thực hành..... | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Tự luận, bài tập nhóm CLO3.1, CLO3.2 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tự luận: CLO1.1, CLO4.1 | 60% |

**9.2. Cách tính điểm**

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm thành phần là điểm kết quả đánh giá các bài tập thực hành

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

***10.1 Tài liệu chính***

*[1]. Ngô Kim Thanh – Giáo trình quản trị doanh nghiệp - NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân Hà Nội - 2020.*

***10.2 Tài liệu tham khảo***

[1]. Đồng Thị Thanh Phương – Giáo trình quản trị doanh nghiệp – NXB Thống Kê - 2013.

**11. Điều kiện thực hiện:**

***Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng:***

- Phòng học lý thuyết.

- Xưởng thực hành phần mềm kế toán

***Trang thiết bị dạy học:***

- Máy vi tính, máy chiếu hỗ trợ dạy học

- Kết nối Internet

***Học liệu phục vụ dạy học:***

- Phiếu kiểm tra kiến thức.

- Phiếu bài tập thực hành

***Các điều kiện khác***

Không

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm 2022*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TRƯỞNG XƯỞNG/BỘ MÔN** |  | **TRƯỞNG KHOA** |

**TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH**  **KHOA KINH TẾ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần (Tiếng việt): Khởi sự kinh doanh

- Tên học phần (Tiếng Anh): Starting a business

- Mã học phần: 4KT302DH

- Số tín chỉ: 03TC (Số giờ: 90 giờ)

- Phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 30 tiết (60 giờ) |
| + | Thực hành: | 13 tiết (26 giờ) |
| + | Kiểm tra: | 02 tiết (4 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 90 tiết (180 giờ) |

**2. Đơn vị quản lý học phần**

***2.1. Giảng viên giảng dạy:***

**- Giảng viên 1: GVC, TS. Nguyễn Thị Trâm**

Email: tram.mln.dhspktvinh@gmail.com

Điện thoại: 0913.043.964

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ

An

Các hướng nghiên cứu chính: Tạo lập doanh nghiệp

**- Giảng viên 2: GV, ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh**

Email: oanh.nguyenkimts@gmail.com

Điện thoại: 0984950952

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ

An

Các hướng nghiên cứu chính: Quản trị kinh doanh

***2.2. Bộ môn:*** Quản trị kinh doanh

***2.3. Khoa:*** Kinh tế

**3. Điều kiện tiên quyết:** Không

**4. Mục tiêu của học phần**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Áp dụng kiến thức chuyên ngành để phân tích và đánh giá thị trường, xác định khách hàng mục tiêu và nhu cầu thị trường. |
| G2 | Vận dụng tư duy logic để nhận diện cơ hội và đánh giá tính khả thi của ý tưởng kinh doanh. |
| G3 | Sử dụng phương tiện và hình thức giao tiếp phù hợp để phát triển ý tưởng, lập kế hoạch kinh doanh; |
| G4 | Lựa chọn và sử dụng các phương pháp phân tích thị trường, đánh giá nhu cầu, xu hướng và cơ hội trong thị trường mục tiêu. |

**5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá**

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K4 | Phân tích và xây dựng kế hoạch kinh doanh phù hợp với nguồn lực và các yếu tố cần thiết trong quá trình khởi sự doanh nghiệp. | Thuyết trình, bài tập nhóm | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | K3 | Vận dụng tư duy logic để nhận diện cơ hội và đánh giá tính khả thi của ý tưởng kinh doanh. | Thuyết trình, bài tập nhóm | Tự luận |
| G3 | CLO3.1 | S3 | Sử dụng phương tiện và hình thức giao tiếp phù hợp để phát triển ý tưởng, lập kế hoạch kinh doanh; | Thuyết trình, bài tập nhóm | Tự luận |
| G4 | CLO4.1 | C4 | Lựa chọn và sử dụng các phương pháp phân tích thị trường, đánh giá nhu cầu, xu hướng và cơ hội trong thị trường mục tiêu. | Thuyết trình, bài tập nhóm | Tự luận |

***5.2. So sánh chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR**  **Học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.3 | PLO2.4 | PLO3.1 | PLO4.4 |
| 1.3.1 | 2.4.1 | 3.1.2 | 4.4.1 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |  |
| CLO4.1 |  |  |  | ✓ |

**6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần**

Khái quát về khởi sự kinh doanh; Phát hiện cơ hội kinh doanh và đánh giá tính hiện thực; Đánh giá thị trường; Lựa chọn hình thức kinh doanh, nhân sự và trách nhiệm pháp lý của chủ doanh nghiệp; Ước tính vốn khởi động kinh doanh và kế hoạch thu lợi nhuận; Quản lý mua hàng và quản lý tồn kho; Quyết định khởi sự việc kinh doanh.

**7. Nội dung học phần:**

***7.1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên bài** | **Số tiết (giờ)** | | | | **CĐR học phần** |
| Tổng số | Lý thuyết | Thực hành | Kiểm tra |
| 1 | Chương 1. Tổng quan về khởi sự kinh doanh | 5 | 5 | 0 | 0 |  |
| 1.1 | Những vấn đề chung về khởi sự kinh doanh | 2 |  |  |  | CLO1.1 |
| 1.2 | Những điều kiện để trở thành chủ doanh nghiệp | 3 |  |  |  | CLO1.1 |
| 2 | Chương 2. Phát hiện cơ hội kinh doanh và đánh giá tính hiện thực | 9 | 6 | 3 | 0 |  |
| 2.1 | Cơ hội và phương pháp phát hiện cơ hội kinh doanh |  | 3 |  |  | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 2.2 | Lựa chọn ý tưởng kinh doanh |  | 3 |  |  | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 2.3 | Các bước tiến hành lựa chọn các cơ hội kinh doanh trên thị trường |  |  | 1 |  | CLO3.1  CLO4.1 |
| 2.4 | Các hình thức kinh doanh trên thị trường |  |  | 1 |  | CLO3.1  CLO4.1 |
| 2.5 | Lựa chọn một loại hoạt động kinh doanh phù hợp với bạn |  |  | 1 |  | CLO3.1  CLO4.1 |
| 3 | Chương 3. Marketing trong đánh giá thị trường | 5 | 3 | 2 | 0 |  |
| 3.1 | Marketing | 2 | 2 | 0 |  | CLO1.1  CLO2.1 |
| 3.2 | Lập kế hoạch Marketing trong đánh giá thị trường | 3 | 0 | 3 |  | CLO3.1  CLO4.1 |
| 4 | Chương 4. Lựa chọn hình thức kinh doanh, nhân sự và trách nhiệm nhiệm pháp lý của chủ doanh nghiệp | 9 | 6 | 3 | 0 |  |
| 4.1 | Lựa chọn hình thức kinh doanh | 1 | 1 | 0 |  | CLO1.1  CLO2.1 |
| 4.2 | Quản lý và tổ chức nhân sự | 3 | 2 | 1 |  | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |
| 4.3 | Trách nhiệm pháp lý của chủ doanh nghiệp | 5 | 3 | 2 |  | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |
| 5 | Chương 5. Ước tính vốn khởi sự kinh doanh và kế hoạch thu lợi nhuận | 4 | 2 | 2 | 0 |  |
| 5.1 | Ước tính vốn khởisự kinh doanh | 2 | 1 | 1 |  | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |
| 5.2 | Kế hoạch thu lợi nhuận | 2 | 1 | 1 |  | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |
| 6 | Chương 6. Quản lý mua hàng và quản lý tồn kho | 4 | 2 | 2 | 0 |  |
| 6.1 | Quản lý mua hàng | 2 | 1 | 1 |  | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |
| 6.2 | Quản trị tồn kho | 2 | 1 | 1 |  | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |
| 7 | Chương 7. Quyết định khởi sự kinh doanh | 9 | 6 | 3 | 0 |  |
| 7.1 | Một số vấn đề liên quan đến khởi sự kinh doanh | 1 | 1 | 0 |  | CLO1.1  CLO2.1 |
| 7.2 | Hoàn thành bản kế hoạch kinh doanh | 2 | 1 | 1 |  | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |
| 7.3 | Khởi sự kinh doanh | 2 | 1 | 1 |  | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |
| 7.4 | Hệ thống sổ kế toán và phân tích kinh doanh | 2 | 1 | 1 |  | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |
| 7.5 | Tổ chức và quản lý công việc văn phòng | 2 | 2 | 0 |  | CLO1.1  CLO2.1 |
|  | **Cộng:** | 45 | 30 | 15 | 0 |  |

***7.2. Nội dung chi tiết:***

***7.2.1. Chương 1.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tổng quan về khởi sự kinh doanh | | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành | | Kiểm tra |
| 5 | 5 | | 0 | | 0 |
| ***1. Mục tiêu thực hiện:***  Giúp sinh viên nắm đượcnhững vấn đề chung về khởi sự kinh doanh; những điều kiện để trở thành chủ doanh nghiệp  ***2. Nội dung:***  - Nhận diện vấn đề chung về khởi sự kinh doanh;  *-* Nắm bắt những điều kiện để trở thành chủ doanh nghiệp  ***3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:*** | | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | **Đơn vị tính** | | | **Số lượng** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Thiết bị ứng dụng:  Máy tính có nối mạng Internet  Máy chiếu | Cái  Bộ | | | Theo số lượng sinh viên | |  | |
| 2 | Vật tư: Không |  | | |  | |  | |
| 3 | Dụng cụ: Không |  | | |  | |  | |

***7.2.2. Chương 2.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Phát hiện cơ hội kinh doanh và đánh giá tính hiện thực | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành | | Kiểm tra |
| 9 | 6 | | 3 | | 0 |
| ***1. Mục tiêu thực hiện:***  Giúp sinh viên hiểu về loại hình kinh doanh mình có thể tiến hành để làm sao chọn được một ý tưởng kinh doanh tốt. Có thể sinh viên đã có khái niệm về kinh doanh nhưng bước này sẽ giúp sinh viên làm rõ và kiểm tra ý tưởng đó.  ***2. Nội dung:***  - Nhận diện cơ hội và phương pháp phát hiện cơ hội kinh doanh;  - Các bước tiến hành lựa chọn các cơ hội kinh doanh trên thị trường;  - Thử nghiệm ý tưởng kinh doanh.  ***3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:*** | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | **Đơn vị tính** | | **Số lượng** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Thiết bị ứng dụng:  Máy tính có nối mạng Internet  Máy chiếu | Cái  Bộ | | Theo số lượng sinh viên | |  | |
| 2 | Vật tư: Không |  | |  | |  | |
| 3 | Dụng cụ: Không |  | |  | |  | |

***7.2.3. Chương 3.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Marketing trong đánh giá thị trường | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành | | Kiểm tra |
| 5 | 3 | | 2 | | 0 |
| ***1. Mục tiêu thực hiện:***  *-* Nhận diện vai trò và nội dung của marketing trong đánh giá thị trường;  - Biết phân bổ các hoạt động tiếp thị để tạo ra doanh thu;  ***2. Nội dung:***  - Nghiên cứu marketing trong đánh giá thị trường;  - Lập kế hoạch Marketing trong đánh giá thị trường;  ***3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:*** | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | **Đơn vị tính** | | **Số lượng** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Thiết bị ứng dụng:  Máy tính có nối mạng Internet  Máy chiếu | Cái  Bộ | | Theo số lượng sinh viên | |  | |
| 2 | Vật tư: Không |  | |  | |  | |
| 3 | Dụng cụ: Không |  | |  | |  | |

***7.2.4. Chương 4.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lựa chọn hình thức kinh doanh, nhân sự và trách nhiệm nhiệm pháp lý của chủ doanh nghiệp | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành | | Kiểm tra |
| 9 | 6 | | 3 | | 0 |
| ***1. Mục tiêu thực hiện:***   - Nhận diện được vai trò của việc lựa chọn hình thức doanh nghiệp trong kinh doanh;   * Sự khác biệt tạo ra bởi loại hình doanh nghiệp là: Uy tín doanh nghiệp; khả năng huy động vốn; rủi ro đầu tư; tổ chức quản lý doanh nghiệp.   ***2. Nội dung:***  **-**Lựa chọn hình thức kinh doanh, quản lý và tổ chức nhân sự;  **-** Trách nhiệm pháp lý của chủ doanh nghiệp.  ***3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:*** | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | **Đơn vị tính** | | **Số lượng** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Thiết bị ứng dụng:  Máy tính có nối mạng Internet  Máy chiếu | Cái  Bộ | | Theo số lượng sinh viên | |  | |
| 2 | Vật tư: Không |  | |  | |  | |
| 3 | Dụng cụ: Không |  | |  | |  | |

***7.2.5. Chương 5.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ước tính vốn khởi sự kinh doanh và kế hoạch thu lợi nhuận | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành | | Kiểm tra |
| 4 | 2 | | 2 | | 0 |
| ***1. Mục tiêu thực hiện:***  - Ước tính số vốn cần thiết để khởi nghiệp;  - Biết lập kế hoạch thu lợi nhuận.  ***2. Nội dung:***  **-** Ước tính vốn khởi sự kinh doanh;  - Nghiên cứu lập kế hoạch thu lợi nhuận.  ***3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:*** | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | **Đơn vị tính** | | **Số lượng** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Thiết bị ứng dụng:  Máy tính có nối mạng Internet  Máy chiếu | Cái  Bộ | | Theo số lượng sinh viên | |  | |
| 2 | Vật tư: Không |  | |  | |  | |
| 3 | Dụng cụ: Không |  | |  | |  | |

***7.2.6. Chương 6.*** Quản lý mua hàng và quản lý tồn kho

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Quản lý mua hàng và quản lý tồn kho | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành | | Kiểm tra |
| 4 | 2 | | 2 | | 0 |
| ***1. Mục tiêu thực hiện:***  - Nhận diện những khó khăn, thách thức của các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường;  - Biết nâng cao công tác quản trị mua hàng nhằm giúp doanh nghiệp đạt được hiệu quả kinh doanh.  ***2. Nội dung:***  - Tìm hiểulý do phải quản lý mua hàng, quản trị tồn kho;  *-* Đề xuất các giải pháp nhằm quản lý mua hàng, quản trị tồn kho hiệu quả.  ***3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:*** | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | **Đơn vị tính** | | **Số lượng** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Thiết bị ứng dụng:  Máy tính có nối mạng Internet  Máy chiếu | Cái  Bộ | | Theo số lượng sinh viên | |  | |
| 2 | Vật tư: Không |  | |  | |  | |
| 3 | Dụng cụ: Không |  | |  | |  | |

***7.2.7. Chương 7.*** Quyết định khởi sự kinh doanh

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Quyết định khởi sự kinh doanh | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành | | Kiểm tra |
| 9 | 6 | | 3 | | 0 |
| ***1. Mục tiêu thực hiện:***  - Nhận diện đươc khởi sự kinh doanh, kế hoạch kinh doanh, các loại hình, nội dung công việc hoạt động kinh doanh.  - Phát hiện ra những loại hình để kinh doanh thành công.  ***2. Nội dung:***  *-* Tìm hiểu các loại hình khởi sự kinh doanh đang áp dụng hiện nay;  - Đánh giá sự thành công, hạn chế của các mô hình, rút ra những kinh nghiệm cho việc lựa chọn khởi nghiệp.  ***3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:*** | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | **Đơn vị tính** | | **Số lượng** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Thiết bị ứng dụng:  Máy tính có nối mạng Internet  Máy chiếu | Cái  Bộ | | Theo số lượng sinh viên | |  | |
| 2 | Vật tư: Không |  | |  | |  | |
| 3 | Dụng cụ: Không |  | |  | |  | |

**8. Yêu cầu đối với sinh viên**

- Tham gia đầy đủ các buổi học thực hành để đảm bảo nội dung các bài tập trong học phần

- Hoàn thành đầy đủ 100% các bài tập thực hành

- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

**9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***9.1. Cách đánh giá***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tham dự trực tiếp trên lớp 80% thời lượng học phần.  - Thực hiện đủ các bài tập; thảo luận; thực hành..... | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Tiểu luận, bài tập nhóm: CLO3.1, CLO3.2 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1 | 60% |

***9.2. Cách tính điểm***

# - Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

# - Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

***10.1 Tài liệu chính***

[1]. TS. Nguyễn Thị Trâm (2020), Khởi sự kinh doanh, Giáo trình nội bộ dành cho sinh trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật

Vinh.

***10.2 Tài liệu tham khảo***

[1]. PGS.TS Nguyễn Ngọc Huyền (2012), Giáo trình khởi sự kinh doanh, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

**11. Điều kiện thực hiện:**

***Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng:***

- Phòng học lý thuyết.

- Xưởng thực hành phần mềm kế toán

***Trang thiết bị dạy học:***

- Máy vi tính, máy chiếu hỗ trợ dạy học

- Kết nối Internet

***Học liệu phục vụ dạy học:***

- Phiếu kiểm tra kiến thức.

- Phiếu bài tập thực hành

***Các điều kiện khác:***

Không

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm 2022*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TRƯỞNG BỘ MÔN** |  | **TRƯỞNG KHOA** |

**TS. Nguyễn Thị Trâm** **TS. Nguyễn Thị Trâm**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH**  **KHOA KINH TẾ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần (Tiếng việt): Quản trị Marketing

- Tên học phần (Tiếng Anh): Marketing Management

**- Mã học phần:** 4KT303DH

**- Số tín chỉ:** 02 TC

**- Phân bổ thời gian**:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 20 tiết (40 giờ) |
| + | Thực hành: | 08 tiết (16 giờ) |
| + | Kiểm tra: | 02 tiết (4 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 tiết (120 giờ) |

**2. Đơn vị quản lý học phần**

**2.1. Giảng viên giảng dạy:**

* **Giảng viên 1: GV, ThS. Nguyễn Thị Mai Hương**

Email: ntmhuong0808@gmail.com

Điện thoại: 0947080889

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Marketing, Hành vi người tiêu dùng

* **Giảng viên 2: GV, TS. Nguyễn Thị Thơ**

Email: thonguyen.skv@gmail.com

Điện thoại: 0986 088 897

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, Kinh tế quốc tế, Quản trị nhân lực, Phát triển bền vững, Thương mại quốc tế.

**2.2. Bộ môn: Kế toán – Quản trị kinh doanh**

**2.3. Khoa: Kinh tế**

**3. Điều kiện tiên quyết:** Marketing căn bản (4KT102DH)

1. **Mục tiêu của học phần**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Áp dụng kiến thức chuyên ngành để phân tích và xây dựng kế hoạch marketing phù hợp với chiến lược kinh doanh tổng thể. |
| G2 | Vận dụng tư duy logic và so sánh để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quản trị marketing. |
| G3 | Giao tiếp hiệu quả và sử dụng phương tiện, hình thức truyền thông phù hợp trong môi trường marketing đa kênh; lựa chọn và sử dụng các phương pháp nghiên cứu thị trường nhằm đánh giá tiềm năng, xác định lợi thế cạnh tranh và định hướng chiến lược marketing. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K4 | Phân tích và xây dựng kế hoạch marketing phù hợp với chiến lược kinh doanh tổng thể | Thuyết trình, bài tập nhóm | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | K3 | Vận dụng tư duy logic và so sánh để giải quyết các vấn đề trong quản trị marketing | Thảo luận, bài tập nhóm | Tự luận |
| G3 | CLO3.1 | S3 | Sử dụng hình thức và phương tiện giao tiếp phù hợp trong môi trường marketing đa kênh | Thuyết trình, thảo luận | Quan sát |
| CLO3.2 | C4 | Lựa chọn phương pháp nghiên cứu thị trường, đánh giá tiềm năng và xác định chiến lược marketing | Thảo luận, bài tập nhóm | Bài tiểu luận |

***5.2. So sánh chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.3 | PLO2.4 | PLO3.1 | PLO4.4 |
| 1.3.1 | 2.4.1 | 3.1.2 | 4.4.1 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |  |
| CLO4.1 |  |  |  | ✓ |

**6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần**

Những kiến thức tổng quan về Quản trị Marketing như: Hoạch định chiến lược Marketing, Các chiến lược Marketing cạnh tranh, Tổ chức hoạt động và kiểm tra...

**7. Nội dung học phần:**

***7.1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên bài** | **Số tiết (giờ)** | | | | **CĐR học phần** |
| Tổng số | Lý thuyết | Thực hành | Kiểm tra |
| 1 | Chương 1: Bản chất của Marketing và quản trị Marketing | **4** | **4** |  |  |  |
| 1.1 | Bản chất marketing | 2 | 2 |  |  | CLO1.1 |
| 1.2 | Quá trình phát triển của quan điểm Marketing |
| 1.3 | Quản trị marketing | 2 | 2 |  |  | CLO1.1  CLO2.1 |
| 1.4 | Quá trình cung ứng giá trị cho khách hàng và marketing quan hệ |
| 2 | Chương 2: Phát triển các kế hoạch và chiến lược marketing | **4** | **2** | **2** |  |  |
| 2.1 | Bản chất của kế hoạch hóa và các cấp lập kế hoạch của doanh nghiệp |  | 2 |  |  | CLO1.1 |
| 2.2 | Quá trình lập kế hoạch chiến lược |
| 2.3 | Lập kế hoạch Marketing |  |  | 2 |  | CLO3.2 |
| 2.4 | Mối quan hệ giữa kế hoạch chiến lược và kế hoạch marketing |
| 3 | Chương 3: Phân tích đối thủ cạnh tranh và xác định lợi thế cạnh tranh khác biệt | **6** | **4** | **2** |  |  |
| 3.1 | Quan điểm marketing về cạnh tranh |  | 2 |  |  | CLO1.1  CLO3.2 |
| 3.2 | Nghiên cứu đối thủ cạnh tranh |
| 3.3 | Quản trị thông tin về đối thủ cạnh tranh và xác định lợi thế cạnh tranh khác biệt của doanh nghiệp |  | 2 |  |  | CLO3.2 |
| 3.4 | Xác định lợi thế cạnh tranh khác biệt dài hạn và ứng xử của doanh nghiệp trước các đối thủ cạnh tranh |  |  | 2 |  |  |
| 4 | Chương 4: Marketing trực tiếp | **6** | **4** | **1** | **1** |  |
| 4.1 | Khái quát về marketing trực tiếp |  | 2 |  |  | CLO2.1 |
| 4.2 | Tiến trình marketing trực tiếp |
| 4.3 | Những điều kiện để marketing trực tiếp thành công |  |  | 1 | 1 | CLO3.1 |
| 4.4 | Các phương pháp marketing trực tiếp |  | 2 |  |  | CLO3.1 |
| 5 | Chương 5: Marketing trên mạng Internet | **6** | **4** | **1** | **1** |  |
| 5.1 | Bản chất của marketing trực tuyến (internet marketing) |  | 2 |  |  | CLO2.1 |
| 5.2 | Những hình thức của internet marketing |
| 5.3 | Một số công việc trong marketing trực tuyến |  |  | 1 | 1 | CLO3.1 |
| 5.4 | Các vấn đề pháp lý và đạo đức trong Marketing điện tử |  | 2 |  |  | CLO2.1 |
| 6 | Chương 6: Tổ chức, thực hiện và điều khiển các hoạt động marketing | **4** | **2** | **2** |  |  |
| 6.1 | Hệ thống tổ chức quản trị marketing |  | 2 |  |  | CLO1.1 |
| 6.2 | Thực hiện kế hoạch |
| 6.3 | Đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh hoạt động marketing |  |  | 2 |  | CLO3.2 |
|  | **Cộng:** | **30** | **20** | **8** | **2** |  |

***7.2. Nội dung chi tiết:***

***7.2.1. Chương 2 Phát triển các kế hoạch và chiến lược marketing***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 1:** Mối quan hệ giữa kế hoạch chiến lược và kế hoạch marketing | | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành | | Kiểm tra |
| 2 | 0 | | 2 | | 0 |
| ***1. Mục tiêu thực hiện:***  *Làm rõ mối quan hệ giữa quá trình kế hoạch hóa chiến lược và quá trình kế hoạch hóa Marketing*  ***2. Nội dung:***  *- Tìm hiểu 1 kế hoạch chiến lược và 1 kế hoạch Marketing của cùng 1 doanh nghiệp*  *- So sánh, phân biệt 2 loại kế hoạch và rút ra kết luận*  ***3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:*** | | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | **Đơn vị tính** | | | **Số lượng** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Thiết bị ứng dụng:  Máy tính có nối mạng Internet  Máy chiếu | Cái  Bộ | | | Theo số lượng sinh viên | |  | |
| 2 | Vật tư: Không |  | | |  | |  | |
| 3 | Dụng cụ: Không |  | | |  | |  | |

***7.2.2. Chương 3: Phân tích đối thủ cạnh tranh và xác định lợi thế cạnh tranh khác biệt***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 1:**  Xác định lợi thế cạnh tranh khác biệt dài hạn và ứng xử của doanh nghiệp trước các đối thủ cạnh tranh | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành | | Kiểm tra |
| 2 | 0 | | 2 | | 0 |
| ***1. Mục tiêu thực hiện:***  *Nghiên cứu cách thức xác định lợi thế cạnh tranh khác biệt của doanh nghiệp trên thị trường sản phẩm*  ***2. Nội dung:***  *- Nghiên cứu về một sản phẩm của một doanh nghiệp trên thị trường, xác định các nguồn lực, lợi thế của doanh nghiệp*  *- Xây dựng kế hoạch để tạo ra lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp*  ***3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:*** | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | **Đơn vị tính** | | **Số lượng** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Thiết bị ứng dụng:  Máy tính có nối mạng Internet  Máy chiếu | Cái  Bộ | | Theo số lượng sinh viên | |  | |
| 2 | Vật tư: Không |  | |  | |  | |
| 3 | Dụng cụ: Không |  | |  | |  | |

***7.2.3. Chương 4. Marketing trực tiếp***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 1:** Những điều kiện để marketing trực tiếp thành công | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành | | Kiểm tra |
| 2 | 0 | | 1 | | 1 |
| ***1. Mục tiêu thực hiện:***  *- Nhận diện các bước của quy trình thực hiện marketing trực tiếp*  *- Phát hiện ra những điều kiện để marketing trực tiếp thành công*  ***2. Nội dung:***  *- Tìm hiểu các mô hình Marketing trực tiếp được áp dụng tại các doanh nghiệp Việt Nam*  *- Đánh giá sự thành công, hạn chế của các mô hình, rút ra kết luận*  ***3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:*** | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | **Đơn vị tính** | | **Số lượng** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Thiết bị ứng dụng:  Máy tính có nối mạng Internet  Máy chiếu | Cái  Bộ | | Theo số lượng sinh viên | |  | |
| 2 | Vật tư: Không |  | |  | |  | |
| 3 | Dụng cụ: Không |  | |  | |  | |

***7.2.4. Chương 5. Marketing trên mạng Internet***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 1:** Một số công việc trong marketing trực tuyến | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành | | Kiểm tra |
| 2 | 0 | | 1 | | 1 |
| ***1. Mục tiêu thực hiện:***  *- Nghiên cứu quy trình và nội dung các bước xây dựng và thực hiện chương trình Marketing trên Internet*  ***2. Nội dung:***  *- Tìm hiểu các mô hình Marketing trên mạng Internet được áp dụng tại các doanh nghiệp Việt Nam*  *- Đánh giá sự thành công, hạn chế của các mô hình, rút ra kết luận*  ***3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:*** | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | **Đơn vị tính** | | **Số lượng** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Thiết bị ứng dụng:  Máy tính có nối mạng Internet  Máy chiếu | Cái  Bộ | | Theo số lượng sinh viên | |  | |
| 2 | Vật tư: Không |  | |  | |  | |
| 3 | Dụng cụ: Không |  | |  | |  | |

***7.2.5. Chương 6. Tổ chức thực hiện và điều khiển các hoạt động Marketing***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 1:** Đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh hoạt động marketing | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành | | Kiểm tra |
| 2 | 0 | | 2 | | 0 |
| ***1. Mục tiêu thực hiện:***  *- Xác định các nội dung cần đánh giá và điều khiển trong quá trình thực hiện hoạt động Marketing*  ***2. Nội dung:***  *- Tìm hiểu các loại điều khiển Marketing hiện đại*  *- Lập kế hoạch Đánh giá, kiểm soát lượng hàng bán cho một doanh nghiệp giả định*  ***3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:*** | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | **Đơn vị tính** | | **Số lượng** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Thiết bị ứng dụng:  Máy tính có nối mạng Internet  Máy chiếu | Cái  Bộ | | Theo số lượng sinh viên | |  | |
| 2 | Vật tư: Không |  | |  | |  | |
| 3 | Dụng cụ: Không |  | |  | |  | |

**8. Yêu cầu đối với sinh viên**

- Tham gia đầy đủ các buổi học thực hành để đảm bảo nội dung các bài tập trong học phần

- Hoàn thành đầy đủ 100% các bài tập thực hành

- Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.

- Hoàn thành đầy đủ các bài thảo luận nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.

- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

**9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

**9.1. Cách đánh giá**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tham dự trực tiếp trên lớp 80% thời lượng học phần.  - Thực hiện đủ các bài tập; thảo luận; thực hành..... | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Tiểu luận, bài tập nhóm: CLO3.1, CLO3.2 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1 | 60% |

**9.2. Cách tính điểm**

# - Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

# - Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

***10.1 Tài liệu chính***

[1]. PGS.TS. Trương Đình Chiến (2014), Quản trị marketing**,** NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân, Hà Nội.

***10.2 Tài liệu tham khảo***

[2]. TS.Lê Thế Giới (2010), Quản trị Marketing , NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

**11. Điều kiện thực hiện:**

***Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng:***

- Phòng học lý thuyết.

- Xưởng thực hành phần mềm kế toán

***Trang thiết bị dạy học:***

- Máy vi tính, máy chiếu hỗ trợ dạy học

- Kết nối Internet

***Học liệu phục vụ dạy học:***

- Phiếu kiểm tra kiến thức.

- Phiếu bài tập thực hành

***Các điều kiện khác:***

Không

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm 2022*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TRƯỞNG XƯỞNG/BỘ MÔN** |  | **TRƯỞNG KHOA** |

**TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH**  **KHOA KINH TẾ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần (Tiếng việt): Quản trị dự án đầu tư

- Tên học phần (Tiếng Anh): Project Management

**- Mã học phần:** 4KT304DH

**- Số tín chỉ: 03**

**- Phân bổ thời gian**:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 30 tiết (60 giờ) |
| + | Thực hành: | 15 tiết (30 giờ) |
| + | Tự học: | 90 tiết (180 giờ) |

**2. Đơn vị quản lý học phần**

**2.1. Giảng viên giảng dạy:**

**- Giảng viên 1: GV, ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh**

Email: oanh.nguyenkimts@gmail.com

Điện thoại: 0984950952

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Quản trị kinh doanh

**- Giảng viên 2: GV, TS. Nguyễn Thị Thơ**

Email: thonguyen.skv@gmail.com

Điện thoại: 0913482789

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học

**2.2. Bộ môn: Kế toán – Quản trị kinh doanh**

**2.3. Khoa: Kinh tế**

**3. Điều kiện tiên quyết:** Không

1. **Mục tiêu của học phần**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Áp dụng kiến thức chuyên ngành để phân tích quản trị dự án đầu tư như: dự án, quản lý dự án, các mô hình tổ chức dự án, nhà quản lý dự án, phân phối nguồn lực trong dự án. |
| G2 | Vận dụng tư duy logic và so sánh để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quản trị dự án. |
| G3 | Giao tiếp hiệu quả; Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và phân tích, đánh giá, tranh luận, thảo luận các vấn đề quản trị dự án đầu tư mang tính thời sự. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K4 | Phân tích các mô hình tổ chức dự án, nhà quản lý dự án, phân phối nguồn lực trong dự án, phương pháp dự toán ngân sách, giám sát và đánh giá dự án | - Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | K3 | Vận dụng tư duy logic và so sánh để giải quyết các vấn đề trong quản trị dự án đầu tư. | - Thuyết trình | Tự luận |
| G3 | CLO3.1 | S3 | - Ứng dụng CNTT trong tìm hiểu tài liệu thực tế về Quản trị dự án đầu tư  - Khả năng làm việc nhóm, giao tiếp phù hợp | Thảo luận, bài tập nhóm | Tự luận |
| G4 | CLO4.1 | C3 | - Phân tích, đánh giá và đề xuất được những giải pháp quản trị dự án trước sự biến động của môi trường kinh doanh. | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | Tự luận |

***5.2. So sánh chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.3 | PLO2.4 | PLO3.3 | PLO4.3 |
| 1.3.1 | 2.4.2 | 3.3.1 | 4.3.3 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |  |
| CLO4.1 |  |  |  | ✓ |

**6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần**

Tổng quan về quản lý dự án đầu tư; Mô hình tổ chức và nhà quản lý dự án; Lập kế hoạch dự án; Quản lý thời gian và tiến độ dự án; Phân phối nguồn lực cho dự án; Dự toán ngân sách và quản lý chi phí dự án; Giám sát và đánh giá dự án.

**7. Nội dung học phần:**

***7.1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên bài** | **Số tiết (giờ)** | | | | **CĐR học phần** |
| Tổng số | Lý thuyết | Thực hành | Kiểm tra |
| 1 | Chương 1: Tổng quan về quản trị dự án đầu tư | **6** | **4** | **2** |  |  |
| 1.1 | Khái niệm dự án và quản lý dự án |  | 2 |  |  | CLO1.1 |
| 1.2 | Nội dung quản lý dự án |  |  | **2** |  | CLO1.1  CLO2.1 |
| 1.3 | Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của môn học |  | 1 |  |  | CLO1.1 |
| 1.4 | Phân biệt QLDA với quá trình quản lý sản xuất liên tục |  | 1 |  |  | CLO1.1 |
| 2 | Chương 2: Mô hình tổ chức và các nhà quản lý dự án | **5** | **3** | **2** |  |  |
| 2.1 | Các mô hình tổ chức dự án |  | 2 | 2 |  | CLO1.1  CLO2.1 |
| 2.2 | Cán bộ quản lý dự án |  | 1 |  |  | CLO1.1 |
| 3 | Chương 3: Lập kế hoạch dự án | **6** | **4** | **2** |  |  |
| 3.1 | Khái niệm, ý nghĩa và nội dung tổng quát của kế hoạch dự án |  | 2 |  |  | CLO1.1 |
| 3.2 | Phân tích công việc của dự án |  | 2 | 2 |  | CLO1.1  CLO3.1  CLO4.1 |
| 4 | Chương 4: Quản lý thời gian và tiến độ dự án | **8** | **4** | **3** | **1** |  |
| 4.1 | Mạng công việc |  | 2 | 1 |  | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |
| 4.2 | Kỹ thuật tổng quan và đánh giá dự án PERT. Phương pháp đường Găng |  | 2 | 2 | 1 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |
| 5 | Chương 5: Phân phối nguồn lực cho dự án | **8** | **4** | **3** | **1** |  |
| 5.1 | Biểu đồ phụ tải nguồn lực và điều chỉnh đều nguồn lực |  | 2 | 1 |  | CLO1.1  CLO3.1 |
| 5.2 | Phân phối nguồn lực hạn chế cho dự án bằng phương pháp ưu tiên |  | 2 | 2 | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 6 | Chương 6: Dự toán ngân sách và quản lý chi phí dự án | **7** | **5** | **2** |  |  |
| 6.1 | Khái niệm, đặc điểm của dự toán ngân sách |  | 1 |  |  | CLO1.1  CLO3.1 |
| 6.2 | Phương pháp dự toán ngân sách |  |  | 2 |  | CLO2.1  CLO4.1 |
| 6.3 | Khái toán và dự toán chi phí các công việc dự án |  | 1 |  |  | CLO1.1  CLO2.1 |
| 6.4 | Quan hệ đánh đổi giữa thời gian và chi phí |  | 1 |  |  | CLO1.1 |
| 7 | Chương 7: Giám sát và đánh giá dự án | **5** | **3** | **2** | **0** |  |
| 7.1 | Giám sát dự án |  | 1 | 1 |  | CLO1.1  CLO1.2 |
| 7.2 | Đánh giá dự án |  | 2 | 1 |  | CLO1.1  CLO1.2 |
|  | **Cộng:** | **45** | **30** | **13** | **2** |  |

***7.2. Nội dung chi tiết:***

***7.2.1. Chương 1: Tổng quan về quản trị dự án đầu tư***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 1:** Nội dung quản lý dự án | | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành | | Kiểm tra |
| 2 | 0 | | 2 | | 0 |
| ***1. Mục tiêu thực hiện:***  *Làm rõ các nội dung trong quản lý dự án.*  ***2. Nội dung:***  *- Tìm hiểu các nội dung quản lý dự án*  *- Tìm hiểu một dự án cụ thể, nghiên cứu các nội dung trong quản lý dự án đó.*  ***3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:*** | | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | **Đơn vị tính** | | | **Số lượng** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Thiết bị ứng dụng:  Máy tính có nối mạng Internet  Máy chiếu | Cái  Bộ | | | Theo số lượng sinh viên | |  | |
| 2 | Vật tư: Không |  | | |  | |  | |
| 3 | Dụng cụ: Không |  | | |  | |  | |

***7.2.2. Chương 2: Mô hình tổ chức và các nhà quản lý dự án***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 1:**  Các mô hình tổ chức dự án | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành | | Kiểm tra |
| 2 | 0 | | 2 | | 0 |
| ***1. Mục tiêu thực hiện:***  *- Tìm hiểu các mô hình tổ chức bộ máy quản trị dự án*  *- Phân biệt các mô hình*  ***2. Nội dung:***  *- Tìm hiểu các mô hình tổ chức bộ máy quản trị dự án được áp dụng ở Việt Nam*  *- Chỉ ra các đặc trưng ở các mô hình*  ***3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:*** | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | **Đơn vị tính** | | **Số lượng** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Thiết bị ứng dụng:  Máy tính có nối mạng Internet  Máy chiếu | Cái  Bộ | | Theo số lượng sinh viên | |  | |
| 2 | Vật tư: Không |  | |  | |  | |
| 3 | Dụng cụ: Không |  | |  | |  | |

***7.2.3. Chương 3: Lập kế hoạch dự án***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 1:** Phân tích công việc của dự án | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành | | Kiểm tra |
| 2 | 0 | | 2 | | 0 |
| ***1. Mục tiêu thực hiện:***  *- Tìm hiểu các nội dung trong phân tích công việc của dự án*  ***2. Nội dung:***  *- Phân tích công việc của một dự án cụ thể.*  ***3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:*** | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | **Đơn vị tính** | | **Số lượng** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Thiết bị ứng dụng:  Máy tính có nối mạng Internet  Máy chiếu | Cái  Bộ | | Theo số lượng sinh viên | |  | |
| 2 | Vật tư: Không |  | |  | |  | |
| 3 | Dụng cụ: Không |  | |  | |  | |

***7.2.4. Chương 4: Quản lý thời gian và tiến độ dự án***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 1:** Mạng công việc. Kỹ thuật tổng quan và đánh giá dự án PERT. Phương pháp đường Găng | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành | | Kiểm tra |
| 4 | 0 | | 3 | | 1 |
| ***1. Mục tiêu thực hiện:***  *- Nghiên cứu mạng công việc, phương pháp đường Găng*  ***2. Nội dung:***  *- Làm bài tập về mạng công việc*  *- Làm bài tập về phương pháp đường Găng để xác định thời gian ngắn nhất hoàn thành dự án.*  ***3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:*** | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | **Đơn vị tính** | | **Số lượng** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Thiết bị ứng dụng:  Máy tính có nối mạng Internet  Máy chiếu | Cái  Bộ | | Theo số lượng sinh viên | |  | |
| 2 | Vật tư: Không |  | |  | |  | |
| 3 | Dụng cụ: Không |  | |  | |  | |

***7.2.5. Chương 5: Phân phối nguồn lực cho dự án***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 1:** Biểu đồ phụ tải. Phân phối nguồn lực hạn chế cho dự án bằng phương pháp ưu tiên | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành | | Kiểm tra |
| 4 | 0 | | 3 | | 1 |
| ***1. Mục tiêu thực hiện:***  *- Xác định biểu đồ phụ tải*  *- Phân phối nguồn lực hạn chế cho dự án bằng phương pháp ưu tiên*  ***2. Nội dung:***  *- Làm bài tập về biểu đồ phụ tải*  *- Làm bài tập về phân phối nguồn lực*  ***3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:*** | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | **Đơn vị tính** | | **Số lượng** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Thiết bị ứng dụng:  Máy tính có nối mạng Internet  Máy chiếu | Cái  Bộ | | Theo số lượng sinh viên | |  | |
| 2 | Vật tư: Không |  | |  | |  | |
| 3 | Dụng cụ: Không |  | |  | |  | |

***7.2.6. Chương 6: Dự toán ngân sách và quản lý chi phí dự án***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 1:** Phương pháp dự toán ngân sách | | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành | | Kiểm tra |
| 2 | 0 | | 2 | | 0 |
| ***1. Mục tiêu thực hiện:***  *Làm rõ Phương pháp dự toán ngân sách*  ***2. Nội dung:***  *- Tìm hiểu Phương pháp dự toán ngân sách*  *- Nghiên cứu, tính dự toán ngân sách cơ bản cho một dự án cụ thể*  ***3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:*** | | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | **Đơn vị tính** | | | **Số lượng** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Thiết bị ứng dụng:  Máy tính có nối mạng Internet  Máy chiếu | Cái  Bộ | | | Theo số lượng sinh viên | |  | |
| 2 | Vật tư: Không |  | | |  | |  | |
| 3 | Dụng cụ: Không |  | | |  | |  | |

***7.2.7. Chương 7: Giám sát và đánh giá dự án***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 1:** Giám sát và đánh giá dự án | | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành | | Kiểm tra |
| 2 | 0 | | 1 | | 1 |
| ***1. Mục tiêu thực hiện:***  *Làm rõ nội dung Giám sát và đánh giá dự án*  ***2. Nội dung:***  *- Nghiên cứu nội dung Giám sát và đánh giá dự án tại một dự án cụ thể*  ***3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:*** | | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | **Đơn vị tính** | | | **Số lượng** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Thiết bị ứng dụng:  Máy tính có nối mạng Internet  Máy chiếu | Cái  Bộ | | | Theo số sinh viên  01 | |  | |
| 2 | Vật tư: Không |  | | |  | |  | |
| 3 | Dụng cụ:   * Bảng | 02 | | |  | |  | |

**8. Yêu cầu đối với sinh viên**

- Tham gia đầy đủ các buổi học thực hành để đảm bảo nội dung các bài tập trong học phần

- Hoàn thành đầy đủ 100% các bài tập thực hành

- Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.

- Hoàn thành đầy đủ các bài thảo luận nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.

- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

**9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

**9.1. Cách đánh giá**

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tham dự trực tiếp trên lớp 80% thời lượng học phần.  - Thực hiện đủ các bài tập; thảo luận; thực hành..... | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tự luận: CLO1.1, CLO4.1 | 60% |

**9.2. Cách tính điểm**

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm thành phần là điểm kết quả đánh giá các bài tập thực hành

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

***10.1 Tài liệu chính***

[1]. Từ Quang Phương – Giáo trình quản lý dự án - NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân Hà Nội, Năm 2013.

***10.2 Tài liệu tham khảo***

[1]. Nguyễn Xuân Thủy – Quản trị dự án đầu tư - NXB Thống kê – 2010.

**11. Điều kiện thực hiện:**

***Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng:***

- Phòng học lý thuyết.

- Xưởng thực hành phần mềm kế toán

***Trang thiết bị dạy học:***

- Máy vi tính, máy chiếu hỗ trợ dạy học

- Kết nối Internet

***Học liệu phục vụ dạy học:***

- Phiếu kiểm tra kiến thức.

- Phiếu bài tập thực hành

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm 2022*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TRƯỞNG XƯỞNG/BỘ MÔN** |  | **TRƯỞNG KHOA** |

**TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH**  **KHOA KINH TẾ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần (Tiếng việt): Phân tích hoạt động kinh doanh

- Tên học phần (Tiếng Anh): Business Analysis

**- Mã học phần:** 4KT305DH

**- Số tín chỉ: 03**

**- Phân bổ thời gian**:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 30 tiết (60 giờ) |
| + | Thực hành: | 13 tiết (26 giờ) |
| + | Kiểm tra: | 02 tiết (4 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 90 tiết (180 giờ) |

**2. Đơn vị quản lý học phần**

**2.1. Giảng viên giảng dạy:**

**- Giảng viên 1: GV, ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh**

Email: oanh.nguyenkimts@gmail.com

Điện thoại: 0984950952

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Quản trị kinh doanh

- Giảng viên 2: GV, TS. Nguyễn Thị Thơ

Email: thonguyen.skv@gmail.com

Điện thoại: 0913482789

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học

**2.2. Bộ môn: Kế toán – Quản trị kinh doanh**

**2.3. Khoa: Kinh tế**

**3. Điều kiện tiên quyết:** Không

1. **Mục tiêu của học phần**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Áp dụng kiến thức chuyên ngành để phân tích kinh doanh, xác định được những nội dung cần phân tích, tiến trình tổ chức phân tích. |
| G2 | Vận dụng tư duy logic và so sánh để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong phân tích kinh doanh |
| G3 | Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và phân tích, đánh giá, tranh luận, thảo luận các vấn đề liên quan đến phân tích kinh doanh mang tính thời sự. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K4 | Phân tích kinh doanh, xác định được những nội dung cần phân tích, tiến trình tổ chức phân tích. | - Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | K3 | Vận dụng các phương pháp để phân tích, đánh giá và xác định chính xác mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến đối tượng phân tích. | - Thuyết trình | Tự luận |
| G3 | CLO3.1 | S3 | - Ứng dụng CNTT trong tìm hiểu tài liệu thực tế về phân tích hoạt động kinh doanh  - Khả năng làm việc nhóm | - Hướng dẫn nghiên cứu tài liệu | Tự luận |
| G4 | CLO4.1 | C3 | - Phân tích được các hoạt động cung cấp, hoạt động sản xuất và hoạt động tiêu thụ và đề xuất được những giải pháp cho doanh nghiệp trước sự biến động của môi trường kinh doanh. | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | Tự luận |

***5.2. So sánh chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.3 | PLO2.4 | PLO3.3 | PLO4.4 |
| 1.3.1 | 2.4.2 | 3.3.1 | 4.4.1 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |  |
| CLO4.1 |  |  |  | ✓ |

**6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần**

Các kiến chung về phân tích hoạt động kinh doanh; Phân tích hoạt động cung cấp; Phân tích hoạt động sản xuất; Phân tích hoạt động tiêu thụ và Phân tích tình hình tài chính và hiệu quả kinh doanh.

**7. Nội dung học phần:**

***7.1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên bài** | **Số tiết (giờ)** | | | | **CĐR học phần** |
| Tổng số | Lý thuyết | Thực hành | Kiểm tra |
| 1 | Chương 1: Khái quát chung phân tích hoạt động kinh doanh | **6** | **3** | **3** |  |  |
| 1.1  1.2 | Khái niệm, nội dung và ý nghĩa của phân tích hoạt động kinh doanh  Đối tượng và nhiệm vụ của PTHĐKD |  | 3 |  |  | CLO1.1 |
| 1.3 | Phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh |  |  | **3** |  | CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |
| 2 | Chương 2: Phân tích hoạt động cung cấp | **9** | **6** | **3** |  |  |
| 2.1 | Phân tích tính hình sử dụng lao động |  | 2 | 1 |  | CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |
| 2.2 | Phân tích tình hình sử dụng tài sản cố định |  | 2 | 1 |  |
| 2.3 | Phân tích tình hình sử dụng nguyên vật liệu |  | 2 | 1 |  |
| 3 | Chương 3: Phân tích hoạt động sản xuất | **9** | **5** | **3** | **1** |  |
| 3.1 | Phân tích chi phí sản xuất |  | 2 | 1 |  | CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |
| 3.2 | Phân tích giá thành sản xuất |  | 2 | 1 | 1 |
| 3.3 | Phân tích kết quả sản xuất |  | 1 | 1 |  |
| 4 | Chương 4: Phân tích hoạt động tiêu thụ | **12** | **8** | **4** |  |  |
| 4.1 | Đánh giá khái quát kết quả hoạt động tiêu thụ |  | 2 |  |  | CLO1.1 |
| 4.2 | Phân tích nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động tiêu thụ |  | 2 | 1 |  | CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |
| 4.3 | Phân tích tình hình lợi nhuận tiêu thụ |  | 4 | 3 |  |
| 5 | Chương 5: Phân tích tình hình tài chính và hiệu quả kinh doanh | **9** | **5** | **3** | **1** |  |
| 5.1 | Phân tích tình hình tài chính |  | 2 | 1 |  | CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |
| 5.2 | Phân tích hiệu quả kinh doanh |  | 3 | 2 | 1 |
|  | **Cộng:** | **45** | **30** | **13** | **2** |  |

***7.2. Nội dung chi tiết:***

***7.2.1. Chương 1: Khái quát chung phân tích hoạt động kinh doanh***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 1:** Phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh | | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành | | Kiểm tra |
| 3 | 0 | | 3 | | 0 |
| ***1. Mục tiêu thực hiện:***  *Làm rõ các phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh*  ***2. Nội dung:***  *- Làm bài tập về các phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh*  ***3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:*** | | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | **Đơn vị tính** | | | **Số lượng** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Thiết bị ứng dụng:  Máy tính có nối mạng Internet  Máy chiếu | Cái  Bộ | | | Theo số lượng sinh viên | |  | |
| 2 | Vật tư: Không |  | | |  | |  | |
| 3 | Dụng cụ: Không |  | | |  | |  | |

***7.2.2. Chương 2: Phân tích hoạt động cung cấp***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 1:**  Phân tích tính hình sử dụng lao động, tài sản cố định, nguyên vật liệu | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành | | Kiểm tra |
| 4 | 0 | | 3 | | 1 |
| ***1. Mục tiêu thực hiện:***  *- Tìm hiểu phương pháp phân tích sử dụng lao động*  *- Tìm hiểu phương pháp phân tích tài sản cố định*  *- Tìm hiểu phương pháp phân tích nguyên vật liệu*  ***2. Nội dung:***  *- Làm bài tập về Phân tích tính hình sử dụng lao động, tài sản cố định, nguyên vật liệu*  ***3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:*** | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | **Đơn vị tính** | | **Số lượng** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Thiết bị ứng dụng:  Máy tính có nối mạng Internet  Máy chiếu | Cái  Bộ | | Theo số lượng sinh viên | |  | |
| 2 | Vật tư: Không |  | |  | |  | |
| 3 | Dụng cụ: Không |  | |  | |  | |

***7.2.3. Chương 3: Phân tích hoạt động sản xuất***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 1:** Phân tích chi phí, giá thành, kết quả | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành | | Kiểm tra |
| 4 | 0 | | 3 | | 1 |
| ***1. Mục tiêu thực hiện:***  *- Tìm hiểu phương pháp phân tích chi phí*  *- Tìm hiểu phương pháp phân tích giá thành*  *- Tìm hiểu phương pháp phân tích kết quả*  ***2. Nội dung:***  *- Làm bài tập về phương pháp phân tích chi phí, giá thành, kết quả*  ***3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:*** | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | **Đơn vị tính** | | **Số lượng** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Thiết bị ứng dụng:  Máy tính có nối mạng Internet  Máy chiếu | Cái  Bộ | | Theo số lượng sinh viên | |  | |
| 2 | Vật tư: Không |  | |  | |  | |
| 3 | Dụng cụ: Không |  | |  | |  | |

***7.2.4. Chương 4: Phân tích hoạt động tiêu thụ***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 1:** Phân tích nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động tiêu thụ, phân tích tình hình lợi nhuận tiêu thụ | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành | | Kiểm tra |
| 4 | 0 | | 4 | | 0 |
| ***1. Mục tiêu thực hiện:***  *- Nghiên cứu nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động tiêu thụ, phân tích tình hình lợi nhuận tiêu thụ*  ***2. Nội dung:***  *- Làm bài tập về phân tích lợi nhuận tiêu thụ*  *.*  ***3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:*** | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | **Đơn vị tính** | | **Số lượng** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Thiết bị ứng dụng:  Máy tính có nối mạng Internet  Máy chiếu | Cái  Bộ | | Theo số lượng sinh viên | |  | |
| 2 | Vật tư: Không |  | |  | |  | |
| 3 | Dụng cụ: Không |  | |  | |  | |

***7.2.5. Chương 5: Phân tích tình hình tài chính và hiệu quả kinh doanh***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 1:** Phân tích tình hình tài chính, phân tích hiệu quả kinh doanh | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành | | Kiểm tra |
| 4 | 0 | | 3 | | 1 |
| ***1. Mục tiêu thực hiện:***  *- Phân tích tình hình tài chính*  *- Phân tích hiệu quả kinh doanh*  ***2. Nội dung:***  *- Làm bài tập về phân tích tình hình tài chính*  *- Làm bài tập về phân tích hiệu quả kinh doanh*  ***3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:*** | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | **Đơn vị tính** | | **Số lượng** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Thiết bị ứng dụng:  Máy tính có nối mạng Internet  Máy chiếu | Cái  Bộ | | Theo số lượng sinh viên | |  | |
| 2 | Vật tư: Không |  | |  | |  | |
| 3 | Dụng cụ: Không |  | |  | |  | |

**8. Yêu cầu đối với sinh viên**

- Tham gia đầy đủ các buổi học thực hành để đảm bảo nội dung các bài tập trong học phần

- Hoàn thành đầy đủ 100% các bài tập thực hành

- Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.

- Hoàn thành đầy đủ các bài thảo luận nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.

- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

**9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

**9.1. Cách đánh giá**

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tham dự trực tiếp trên lớp 80% thời lượng học phần.  - Thực hiện đủ các bài tập; thảo luận; thực hành..... | 10% |
| 3 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1 | 30% |
| 4 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tự luận: CLO1.1, CLO4.1 | 60% |

**9.2. Cách tính điểm**

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm thành phần là điểm kết quả đánh giá các bài tập thực hành

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

***10.1 Tài liệu chính***

*[1]. Nguyễn Văn Công – Giáo trình Phân tích kinh doanh - NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân Hà Nội - 2013.*

***10.2 Tài liệu tham khảo***

*[2]. Phạm Văn Được, Đặng Kim Cương – Phân tích hoạt động kinh doanh - NXB Thống kê – 2010.*

**11. Điều kiện thực hiện:**

***Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng:***

- Phòng học lý thuyết.

- Xưởng thực hành phần mềm kế toán

***Trang thiết bị dạy học:***

- Máy vi tính, máy chiếu hỗ trợ dạy học

- Kết nối Internet

***Học liệu phục vụ dạy học:***

- Phiếu kiểm tra kiến thức.

- Phiếu bài tập thực hành

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm 2022*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TRƯỞNG XƯỞNG/BỘ MÔN** |  | **TRƯỞNG KHOA** |

**TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm**